

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày: 05/5/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa bà **Trương Thị Tuyết Linh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Đỗ Thanh Hiền**

2/ Ông: **Nguyễn Văn Y**

Thư ký phiên tòa bà **Huỳnh Thị Tú Hà** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa bà **Lê Hoàng Lan Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2020/TLST- HS ngày 10 tháng 3 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HS ngày 07/4/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ T** ; Sinh năm: 1994, tại tỉnh Long An.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã TH huyện TH, tỉnh Long An.

Nghề nghiệp: Làm thuê ; Trình độ văn hóa: 5/12 ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam.

Con ông: Nguyễn Văn T1 (1963) và bà Hoàng Thị T2 (1959)

Bị cáo không có chồng. Con có 01 người sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bắt tạm giữ từ ngày 15/12/2019. Tạm giam ngày 18/12/2019.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

1/ Võ Văn V ; sinh năm: 1991 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 4, xã TH huyện TH, tỉnh Long An.

2/ Lê Quốc D ; sinh ngày 14/10/2003 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp NT, xã TĐ, huyện MH, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Võ Thị D1 ; sinh năm: 1978 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã BHD, huyện MH, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn A ; sinh năm: 1996 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp LTA, xã BL - CT- Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 16/6/2019, NGUYỄN THỊ T cùng với Nguyễn Văn A, sinh năm 1996 thường trú ấp LTA, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; Lê Quốc D, sinh ngày 14/10/2003 thường trú Ấp NT, xã TĐ, huyện MH, tỉnh Long An; Nguyễn Khánh D2, sinh năm 2004 thường trú Ấp NT, xã TĐ, huyện MH, tỉnh Long An; Võ Văn V, sinh năm 1991 thường trú ấp 4, xã TH huyện TH, tỉnh Long An; Nguyễn Hòa Đ, sinh năm 1999 thường trú ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Long An và Nguyễn Minh Q, sinh năm 1993 thường trú ấp T, xã ĐH huyện CT, tỉnh Tiền Giang cùng hát karaoke tại quán THP, tọa lạc ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Trong lúc đang hát T có hỏi mượn điện thoại di động của V để quay phim nhưng điện thoại V hết pin nên T bỏ vào bóp của T không đưa trả lại cho V. Khi hát được khoảng 01 giờ thì T ra ngoài nói với D kêu cả nhóm về vì T không có tiền trả thì D đưa điện thoại cho T nói T đem đi thế chấp tính tiền hát khi nào D lĩnh lương chuộc lại. Tuy nhiên, sau khi nhận điện thoại của D thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt 02 điện thoại di động của D và V để bán lấy tiền điều trị bệnh nên lấy lý do A say rượu T chở A về trước. Do đêm khuya, nhà trọ đã đóng cửa nên T và A dừng ven đường phía trước Huyện đội Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cũ để ngủ, lúc này T đem giấu điện thoại ở góc cây gần đó, đến sáng ngày 17/6/2019 thì A và T quay về nhà trọ. Đến khoảng 11 giờ ngày 17/6/2019 T điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63AD - 02064 đến nơi cất giấu lấy 02 điện thoại rồi chạy ra hướng quốc lộ 1A về hướng Cai Lậy, khi qua khỏi ngã 3 Ấp Bắc một đoạn thì T bán 02 điện thoại trên cho người đi đường với giá là 6.000.000đồng, T dùng số tiền này để mua thuốc điều trị bệnh. Sau khi phát hiện T lấy điện thoại đi mà không thể chấp ở quầy tiếp tân đồng thời không liên lạc được với T nên nhóm của D trình báo cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 141 ngày 22/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành kết luận:

- Một điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A70 A705 Black theo biên nhận thanh toán kiêm phiếu giao hàng số 9647 ngày 01/6/2019 của Điện máy xanh, số tiền phải thanh toán là 8.640.000đồng, do bị hại cung cấp. Hội đồng định giá thống nhất tỷ lệ sử dụng còn lại của chiếc điện thoại là 95%, có giá trị là 8.208.000 đồng.

- Một điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A50 A505 Blue theo biên nhận thanh toán kiêm phiếu giao hàng số 7044 ngày 23/5/2019 của Điện máy xanh, số tiền phải thanh toán là 6.840.000đồng, do bị hại cung cấp, Hội đồng định giá thống nhất tỷ lệ sử dụng còn lại của chiếc điện thoại là 95%, có giá trị là 6.498.000 đồng.

Tổng tài sản thiệt hại là 14.706.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSCT ngày 09/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo NGUYỄN THỊ T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng như Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đã thực hiện theo đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng hay quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Xét về tố tụng các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện một cách đầy đủ và đúng theo qui định của luật tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo NGUYỄN THỊ T hoàn toàn khai nhận: Vào ngày 16/6/2019, khoảng 23 giờ bị cáo cùng với Nguyễn Văn A, Lê Quốc D, Nguyễn Khánh D2, Võ Văn V, Nguyễn Hòa Đ và Nguyễn Minh Q cùng hát karaoke tại quán THP, tọa lạc ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Trong lúc hát, T mượn điện thoại của V để quay phim nhưng do điện thoại hết pin nên T bỏ vào bóp của T, khi hát được khoảng 01 giờ thì T nói với D kêu cả nhóm về vì T không có tiền trả, lúc này D đưa điện thoại của D kêu T thế chấp ở quầy tiếp tân nhưng T không thể chấp mà bỏ vào bóp của T sau đó T điều khiển xe chở A về. Trên đường về Th nảy sinh ý định chiếm đoạt 02 điện thoại di động của V và D bán lấy tiền tiêu xài nên T đem giấu 02 điện thoại ở gốc cây ven đường phía trước Huyện đội cũ thuộc ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 17/6/2019, T một mình đến lấy 02 điện thoại và sau đó bán cho người đi đường với giá là 6.000.000đồng, bị cáo tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Tại bản kết luận định giá tài sản của hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 14.706.000đồng. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố để cấu thành tội, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự.

[3] Xuất phát từ bản tính tham lam ý thức xem thường pháp luật, bị cáo NGUYỄN THỊ T sau khi được anh V đưa cho mượn điện thoại di động để quay phim khi hát karaoke cũng như anh D đưa điện thoại cho bị cáo để thế chấp tại quầy tiếp tân khi tính tiền hát karaoke nhưng bị cáo không thể chấp và cũng không giao trả lại cho anh V và anh D mà để cả hai điện thoại vào bóp của bị cáo đang mang bên người sau đó ra về. Để có tiền tiêu xài, trên đường về bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt 02 điện thoại trên đem bán nên đã lén lút cất giấu và sau đó đem bán cho một người đi đường lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bản thân bị cáo vẫn ý thức được 02 chiếc điện thoại bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh V và anh D nhưng chỉ vì tham lam bị cáo đã lợi dụng lòng

tin của anh V và anh D thực hiện hành vi chiếm đoạt để nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, nó đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người dân mà pháp luật nhà nước bảo hộ. Khi bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản anh V chưa đủ 16 tuổi, căn cứ vào điểm i khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, đây được xem là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

[4] Xét thấy bị cáo có thật thà thú nhận hành vi phạm tội của mình, bản thân không tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Hội đồng xét xử xem đây là các tình tiết để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Đối với xe mô tô biển số 63AD-02064 là của chị Nguyễn Thị Phước S, sinh năm 2000, thường trú ấp LTA, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang mua vào năm 2015 chưa làm thủ tục sang tên, chị S cho anh A mượn làm phương tiện đi lại, việc bị cáo dùng xe làm phương tiện đi bán điện thoại anh A và chị S không biết nên cơ quan điều tra không thu giữ là có cơ sở.

[6] Về dân sự: Tại Tòa hôm nay anh V yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt là 9.000.000đồng, anh D và người đại diện theo pháp luật của anh D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 7.000.000đồng, bị cáo đồng ý, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo NGUYỄN THỊ T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1/ Áp dụng điểm a khoản 1 điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm i khoản 1 điều 52, điều 38 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo NGUYỄN THỊ T 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 15/12/2019.

2/ Về dân sự: Căn cứ khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự; điều 589 và khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận bị cáo đồng ý bồi thường cho anh V số tiền là 9.000.000đồng, bồi thường cho anh D số tiền là 7.000.000đồng. Thời gian bị cáo thực hiện bồi thường khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Buộc bị cáo phải chịu là 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 800.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày anh V, anh D yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG
- VKSND HCT
- Chi cục THADS HCT
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trương Thị Tuyết Linh